

Bản án số: 530/2024/HC-PT  
Ngày: 12 - 6 - 2024  
V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành  
chính*”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa;

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Văn An;

Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thanh Bình - Thư ký của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 665/2023/TLPT-HC ngày 04 tháng 10 năm 2023, về “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1161/2023/HC-ST ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1570/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

\* *Người khởi kiện:* Bà Trần Kim T, sinh năm 1966 (có mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Bà Phan Thanh Kim N, sinh năm 1989 (có mặt);

Cùng địa chỉ: D ấp D, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số công chứng 002782 lập ngày 23/5/2023 tại Văn phòng C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh).

\* *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng địa chỉ: Số C T, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Văn T1 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B (xin vắng mặt);

(Theo Giấy ủy quyền số 1599/GUQ-UBND ngày 28/4/2023 và 1598/GUQ-UBND ngày 28/4/2023).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B:

Ông Đoàn Thái T2 - Phó Trưởng Phòng - Phòng Nghiệp vụ Thực hiện dự án số 01 Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B (có mặt).

**\* Người kháng nghị, kháng cáo:** Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại Đơn khởi kiện và các lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Trần Kim T trình bày:*

Bà Trần Kim T là chủ sử dụng hợp pháp phần đất 44,6m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 167, tờ bản đồ số 02 (theo tài liệu chính lý năm 1992), tương ứng với một phần thửa 803 và đường, tờ bản đồ số 16 (theo tài liệu đo năm 2005), tọa lạc tại địa chỉ D (số C) ấp D, xã T, huyện B.

Ngày 30/11/2021, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định 7785/QĐ-UBND thu hồi phần đất trên để thực hiện mở rộng nâng cấp đường N; đồng thời ban hành Quyết định số 8309/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ cho bà T (kèm Phương án bồi thường, hỗ trợ số 92/PA-HĐBT ngày 30/11/2021 của Ban Bồi thường dự án). Theo đó, Ủy ban nhân dân huyện B chỉ bồi thường cho bà T phần đất diện tích 28,3m<sup>2</sup>/44,6m<sup>2</sup> theo đơn giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, vị trí 1. Còn phần diện tích 16,3m<sup>2</sup>/44,6m<sup>2</sup> thì không bồi thường, vì cho rằng phần diện tích 12,9m<sup>2</sup>/16,3m<sup>2</sup> là lộ giới đường, còn phần diện tích 3,4m<sup>2</sup>/16,3m<sup>2</sup> thuộc ranh đã thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng đường H (nay là đường N), đã hoàn thành công tác bồi thường theo Quyết định số 642/QĐ-UB-KT ngày 04 tháng 02 năm 1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc duyệt Dự án nâng cấp mở rộng Hương lộ D.

Ngày 16/5/2022, bà Trần Kim T có đơn khiếu nại do không đồng ý với phương án bồi thường trên. Ngày 08/7/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 4745/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại với nội dung không chấp nhận yêu cầu của bà T.

Không đồng ý, bà T tiếp tục có đơn khởi kiện các quyết định trên tại Tòa án. Bà T yêu cầu:

+ Hủy một phần Quyết định số 7785/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B, về phần diện tích 16,3m<sup>2</sup> không được xem xét bồi thường.

+ Hủy toàn bộ Quyết định số 8309/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ do thu hồi đất (kèm Phương án bồi thường, hỗ trợ số 92/PA-HĐBT ngày 30/11/2021 của Ban Bồi thường dự án);

+ Hủy toàn bộ Quyết định số 4745/QĐ-UBND ngày 08/7/2022 về giải quyết khiếu nại;

+ Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện B tính bồi thường hỗ trợ phần diện tích 28,3m<sup>2</sup> theo loại đất trồng cây lâu năm, đồng thời tính bồi thường phần diện tích 16,3m<sup>2</sup>.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Trần Kim T xác định lại yêu cầu khởi kiện. Bà đồng ý việc Ủy ban không bồi thường diện tích 12,9m<sup>2</sup>/16,3m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, bà không đồng ý việc Ủy ban không xem xét bồi thường phần diện tích 3,4m<sup>2</sup>/16,3m<sup>2</sup>, vì cho rằng phần đất 3,4m<sup>2</sup> bị thu hồi nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00732 ngày 14/10/2010 của Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho bà Trần Kim T, nên phải được bồi thường.

Do đó, bà T yêu cầu hủy một phần Quyết định số 8309/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ do thu hồi đất (kèm Phương án bồi thường, hỗ trợ số 92/PA-HĐBT ngày 30/11/2021 của Ban Bồi thường dự án) của Ủy ban nhân dân huyện B, về việc Ủy ban không xem xét bồi thường diện tích 3,4m<sup>2</sup>; hủy một phần Quyết định số 4745/QĐ-UBND ngày 08/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại, phần nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà T về việc xem xét bồi thường diện tích 3,4m<sup>2</sup>. Đồng thời, yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định bồi thường hỗ trợ cho bà T phần đất có diện tích 31,7m<sup>2</sup> (28,3m<sup>2</sup> + 3,4m<sup>2</sup>) theo đơn giá đất nông nghiệp xen cài khu dân cư.

*Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B có văn bản trình bày:*

Cơ sở để Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định 7785/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B về thu hồi đất để thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng đường N trên địa bàn huyện B:

Căn cứ Quyết định số 5854/QĐ-SGTVT ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Sở G về phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp mở rộng đường N (Hương lộ D) trên địa bàn huyện B;

Căn cứ Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện B;

Căn cứ Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện B về triển khai công tác thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp mở rộng đường N (Hương lộ D) trên địa bàn huyện B;

Căn cứ Công văn số 1839/UBND-ĐT ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền quyết định thu hồi đất để thực hiện Dự án nâng cấp mở rộng đường N, xã T, huyện B;

Căn cứ Quyết định số 4811/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021 về nguồn ngân sách thành phố;

Căn cứ Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện B;

Phần đất do bà T đang sử dụng bị thu hồi để thực hiện Dự án nâng cấp mở rộng đường N trên địa bàn huyện B, có diện tích  $44,6\text{m}^2$ , thuộc một phần thửa 167, tờ bản đồ số 02 (theo tài liệu chỉnh lý năm 1992), tương ứng với một phần thửa 803 và đường, tờ bản đồ số 16 (theo tài liệu đo năm 2005) tọa lạc tại địa chỉ D (số C) ấp D, xã T, huyện B.

Theo bản đồ hiện trạng vị trí đất do công ty TNHH Đ đo vẽ, diện tích trong ranh mở rộng đường Nguyễn Cửu P là:

Diện tích bị ảnh hưởng:  $44,6\text{m}^2$ .

Diện tích trong ranh mở rộng đường N năm 1998 là:  $3,4\text{m}^2$ .

Đất nhà nước trực tiếp quản lý:  $12,9\text{m}^2$  đường đi theo tài liệu BĐĐC.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định thu hồi đất số 7785/QĐ-UBND về thu hồi đất do bà Trần Kim T sử dụng tại xã T để thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng đường N trên địa bàn huyện B. Tổng diện tích thu hồi  $44,6\text{m}^2$ , thuộc một phần thửa 167, tờ bản đồ số 02 (theo tài liệu chỉnh lý năm 1992), tương ứng với một phần thửa 803 và đường, tờ bản đồ số 16 (theo tài liệu đo năm 2005) Bộ địa chính xã T. Trong đó, có  $16,3\text{m}^2/44,6\text{m}^2$  thuộc ranh đã thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng đường H (nay là đường N), đã hoàn thành công tác bồi thường theo Quyết định số 642/QĐ-UB-KT ngày 04 tháng 02 năm 1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc duyệt Dự án nâng cấp mở rộng Hương lộ D.

Từ những cơ sở trên, việc Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 7785/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2021, là đúng quy định.

Cơ sở để Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 8309/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ do thu hồi đất, Phương án bồi thường, hỗ trợ số 92/PA-HĐBT ngày 30/11/2021:

Nguồn gốc quá trình sử dụng nhà, đất: Thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00732 ngày 14/10/2010 cho bà Trần Kim T. Nhà, hiên, sân tự xây dựng năm 2003. Hiện tại, không tranh chấp.

Theo Bản đồ hiện trạng nhà do Công ty TNHH Đ lập ngày 13 tháng 8 năm 2019, thể hiện:

- + Nhà: vách gạch, cột BTBT, trần thạch cao, nền ceramic, mái tôn: 30,4m<sup>2</sup>.
- + Mái che: cột sắt, nền xi măng, mái tôn: 6,9m<sup>2</sup>.
- + Mái che: cột sắt, nền xi măng, mái tôn: 3,4m<sup>2</sup>.
- + Mái che: cột sắt, nền xi măng, mái tôn: 4,4m<sup>2</sup>.
- + Sân: xi măng: 8,5m<sup>2</sup>.

Tính bồi thường, hỗ trợ về đất: Căn cứ khoản 1, Điều 75 Luật Đất đai 2013; căn cứ khoản 2, Phần I, Chương III Chính sách số 631/CSBT-HĐBT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Bồi thường Dự án nâng cấp mở rộng đường N: “2. Người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất nếu có đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013 thì được bồi thường.”

Một phần thửa số 167, tờ bản đồ số 02 (tài liệu chỉnh lý năm 1992), tương ứng một phần thửa 803, đường, tờ bản đồ số 16 (tài liệu đo năm 2005), thuộc Bộ địa chính xã T, diện tích: 16,3m<sup>2</sup>, phần đất này nằm trong ranh dự án nâng cấp mở rộng Hương lộ D, huyện B năm 1998 và đất nhà nước quản lý không bồi thường, hỗ trợ.

Do đó, đối với phần đất diện tích 28,3m<sup>2</sup> của bà Trần Kim T ảnh hưởng trong Dự án nâng cấp và mở rộng đường N tính bồi thường theo đơn giá đất nông nghiệp trồng hàng năm vị trí 1 là đúng quy định.

Tính bồi thường về vật kiến trúc:

- + Nhà: cột BTCT, vách gạch, mái tole, nền ceramic, trần thạch cao, mái tôn: 30,4 m<sup>2</sup>.
- + Mái che: cột sắt, nền xi măng, mái tole: 6,9m<sup>2</sup>.

Phần vật kiến trúc nằm trong ranh 1998 và đất Nhà nước quản lý không tính bồi thường, hỗ trợ:

- + Mái che: cột sắt, nền xi măng, mái tole: 3,4m<sup>2</sup>.
- + Mái che: cột sắt, nền xi măng, mái tole: 4,4m<sup>2</sup>.
- + Sân: xi măng: 8,5m<sup>2</sup>.

Đối với phần vật kiến trúc của bà T bị ảnh hưởng trong Dự án nâng cấp và mở rộng đường N, Ủy ban nhân dân huyện B được tính bồi thường theo điểm b, c, Phần IV Chương IV Chính sách số 631/CSBT-HĐBT ngày 30 tháng 11 năm 2021, là đúng quy định.

Từ những cơ sở trên, việc Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 8309/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 là đúng quy định. Từ đó, Chủ tịch UBND huyện B ban hành quyết định số 4745/QĐ-UBND ngày 08/7/2022 về giải quyết khiếu nại là đúng trình tự thủ tục và đúng quy định.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1161/2023/HC-ST ngày 13 tháng 7 năm 2023 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 622/2023/QĐ-TA ngày 22 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:*

1. Chấp nhận một phần khởi kiện của bà Trần Kim T;

1.1. Hủy một phần Quyết định số 8309/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ do thu hồi đất (kèm Phương án bồi thường, hỗ trợ số 92/PA-HĐBT ngày 30/11/2021 của Ban Bồi thường dự án) và Quyết định số 4745/QĐ-UBND ngày 08/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về giải quyết khiếu nại.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện B thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định pháp luật.

1.2. Bác yêu cầu bồi thường phần đất diện tích đất 31,7m<sup>2</sup> (28,3m<sup>2</sup> + 3,4m<sup>2</sup>) thuộc một phần thửa 803 và đường, tờ bản đồ số 16 (theo tài liệu đo năm 2005) tọa lạc tại địa chỉ D (số C) ấp D, xã T, huyện B theo đơn giá đất nông nghiệp xen cài khu dân cư.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/7/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 5856/QĐ-VKS-HC kháng nghị một phần bản án hành chính sơ thẩm nêu trên, vì cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận bồi thường phần diện tích 3,4m<sup>2</sup> cho bà T, là không có căn cứ vì phần diện tích bị ảnh hưởng bởi Dự án xây dựng mở rộng đường H, huyện B là 44,6m<sup>2</sup> trong đó phần diện tích 16,3m<sup>2</sup> gồm lộ giới đường là 12,9m<sup>2</sup> không được bồi thường và 3,4m<sup>2</sup> đã được Nhà nước bồi thường cho ông Nguyễn Hữu K từ năm 1998, hiện do Nhà nước đang quản lý. Đồng thời trong suốt thời gian từ năm 1998 đến năm 2010, bà T không sử dụng. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm theo hướng không chấp nhận bồi thường phần diện tích đất 3,4m<sup>2</sup> cho người khởi kiện bà Trần Kim T, bác yêu cầu khởi kiện của bà T về việc hủy một phần Quyết định số 8309/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ do thu hồi đất (kèm Phương án bồi thường, hỗ trợ số 92/PA-HĐBT ngày 30/11/2021 của Ban Bồi thường dự án) và Quyết định số 4745/QĐ-UBND ngày 08/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về giải quyết khiếu nại, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim T.

Ngày 24/8/2023, Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm nêu trên, vì phần diện tích 16,3m<sup>2</sup> trong phần diện tích bị ảnh hưởng bởi Dự án xây dựng mở rộng đường H, huyện B không đủ điều kiện bồi thường do thuộc ranh đã thực hiện Dự án nâng cấp mở rộng đường Hương lộ D, huyện B (nay là đường N) và đã hoàn thành công tác bồi thường theo Quyết định số 642/QĐ-UB-KT ngày 04 tháng 02 năm 1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc duyệt Dự án nâng cấp mở rộng Hương lộ D

huyện B. Do đó, phần diện tích 16,3m<sup>2</sup> không đủ điều kiện bồi thường theo Khoản 1, Mục I, Chương III Chính sách số 361/CSBT-HĐBT ngày 30/11/2021. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim T, đồng thời công nhận Quyết định số 8309/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2021 và Quyết định 4745/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện B, là đúng quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, nhưng thực chất là chỉ đề nghị xem xét lại phần bản án sơ thẩm liên quan đến việc buộc bồi thường giá trị quyền sử dụng đất 3,4m<sup>2</sup>, vì phần tài sản trên đất đã hỗ trợ rồi và các yêu cầu khởi kiện khác của bà Trần Kim T, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác, nên người bị kiện không kháng cáo.

Do phần đất 3,4m<sup>2</sup> đã nằm trong ranh giải phóng mặt bằng năm 1998, đã bồi thường xong, nên bà T không đủ điều kiện được bồi thường tiếp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm hủy một phần các quyết định hành chính bị kiện liên quan đến phần đất 3,4m<sup>2</sup> là không đúng.

Về việc thanh tra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T chưa có kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

Hơn nữa, sau khi có bản án sơ thẩm, Ủy ban nhân dân huyện B đã ban hành Quyết định số 8919/QĐ-UBND ngày 31/8/2022; Phương án hỗ trợ bổ sung số 1045/PA-HĐBT ngày 18/8/2022, Phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung số 2676/PA-HĐBT ngày 26/10/2023 và Quyết định số 10880/QĐ-UBND ngày 09/11/2023, theo đó hỗ trợ đất trong ranh 1998 đối với phần đất 3,4m<sup>2</sup> và hỗ trợ bổ sung về công trình xây dựng trên phần đất 3,4m<sup>2</sup>. Ngày 25/8/2023, bà Trần Kim T đã đồng ý bàn giao toàn bộ mặt bằng với tổng diện tích đất và tài sản trên đất bị thu hồi là 44,6m<sup>2</sup>, không khiếu nại gì.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không hủy một phần Quyết định số 8309/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ do thu hồi đất (kèm Phương án bồi thường, hỗ trợ số 92/PA-HĐBT ngày 30/11/2021 của Ban Bồi thường dự án) và Quyết định số 4745/QĐ-UBND ngày 08/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về giải quyết khiếu nại.

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày quan điểm tranh luận: Sau khi Ủy ban nhân dân huyện B ban hành các quyết định và phương án hỗ trợ bổ sung, bà T không khiếu nại gì và đồng ý bàn giao mặt bằng. Phần đất 3,4m<sup>2</sup> bà T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, chưa có văn bản nào kết luận việc cấp giấy là sai; không có căn cứ chứng minh phần đất 3,4m<sup>2</sup> đã được bồi

thường từ năm 1998; Ủy ban nhân dân huyện B hỗ trợ 240.000 đồng/m<sup>2</sup> là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Tài liệu hồ sơ vụ án thể hiện phần đất 3,4m<sup>2</sup> trong ranh mở rộng đường Hương lộ D (nay là đường N) bị thu hồi năm 1998, đã bồi thường cho ông Nguyễn Hữu K, là phần đường hiện hữu do nhà nước quản lý. Tuy nhiên, trong quá trình xem xét cấp giấy chứng nhận, Ủy ban nhân dân huyện B cấp phần diện tích 3,4m<sup>2</sup> vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00732 cho bà Trần Kim T, là không đúng quy định. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim T về việc hủy một phần Quyết định số 8309/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ do thu hồi đất (kèm Phương án bồi thường, hỗ trợ số 92/PA-HĐBT ngày 30/11/2021 của Ban Bồi thường dự án) và Quyết định số 4745/QĐ- UBND ngày 08/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về giải quyết khiếu nại, là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa một phần bản án sơ thẩm, theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim T về việc hủy một phần Quyết định số 8309/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 và Quyết định số 4745/QĐ- UBND ngày 08/7/2022 nêu trên, đối với phần đất 3,4m<sup>2</sup>.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, là hợp lệ, nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2]. Về những người tham gia tố tụng: Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử lần ba, triệu tập hợp lệ các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt người bị kiện, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt nhưng có văn bản xin xét xử vắng mặt và đã có lời trình bày trong hồ sơ vụ án,



đồng thời có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, tham gia phiên tòa. Việc vắng mặt của họ tại phiên tòa phúc thẩm, không ảnh hưởng đến việc xét kháng cáo, kháng nghị. Do đó, căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Phạm vi kháng cáo, kháng nghị:

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện bà Trần Kim T yêu cầu hủy một phần Quyết định số 8309 về việc Ủy ban huyện B không xem xét bồi thường giá trị quyền sử dụng đất; hủy một phần Quyết định số 4745 về việc giải quyết khiếu nại, phần nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà T về việc xem xét bồi thường, đối với diện tích đất 3,4m<sup>2</sup>. Đồng thời, yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định bồi thường hỗ trợ cho bà T phần đất có diện tích 31,7m<sup>2</sup> (28,3m<sup>2</sup> + 3,4m<sup>2</sup>) theo đơn giá đất nông nghiệp xen cài khu dân cư.

Tại bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T về việc hủy một phần Quyết định số 8309, một phần Quyết định số 4745 phần liên quan đến việc bồi thường diện tích đất 3,4m<sup>2</sup>, đồng thời không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện B phải bồi thường diện tích đất 31,7m<sup>2</sup> (28,3m<sup>2</sup> + 3,4m<sup>2</sup>) theo đơn giá đất nông nghiệp xen cài khu dân cư.

Tại Quyết định số 5856/QĐ-VKS-HC ngày 28/7/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị một phần bản án sơ thẩm về việc buộc bồi thường hai lần cho bà T đối với phần diện tích đất 3,4m<sup>2</sup>. Tại đơn kháng cáo, Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm nêu trên. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện xác định lại chỉ kháng cáo bản án sơ thẩm về phần bồi thường, hỗ trợ về giá trị quyền sử dụng đất phần diện tích 3,4m<sup>2</sup>. Bà T không có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Như vậy, phần bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện B phải bồi thường diện tích đất 31,7m<sup>2</sup> (28,3m<sup>2</sup> + 3,4m<sup>2</sup>) theo đơn giá đất nông nghiệp xen cài khu dân cư, không bị kháng cáo, kháng nghị.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ xem xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện B, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B đối với một phần bản án sơ thẩm về việc giải quyết bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất 3,4m<sup>2</sup>.

[2.2]. Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện B, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B:

[2.2.1]. Về thẩm quyền và trình tự, thủ tục ban hành quyết định bị kiện:

Theo quy định tại Điều 66, Điều 69, Điều 76 và Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 và Luật Khiếu nại năm 2011 thì việc ban hành Quyết định số 8309/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Ủy ban dân huyện B về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ do thu hồi đất (kèm Phương án bồi thường, hỗ trợ số 92/PA-HĐBT ngày 30/11/2021 của Ban bồi thường dự án) và Quyết định số 4745/QĐ-UBND ngày 08/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Kim T là đúng thẩm quyền và đúng trình tự, thủ tục.

[2.2.2]. Về tính có căn cứ của các quyết định bị kiện:

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí ngày 09/9/2019 của Công ty TNHH Đ lập ngày 09/9/2019 (SBV: 09-514/HĐĐV - VPH) (BL 66), được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận ngày 08 tháng 11 năm 2019, bà Trần Kim T thống nhất và ký tên, thể hiện tổng diện tích bị thu hồi 44,6m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 167, tờ bản đồ số 02 (theo tài liệu chỉnh lý năm 1992), tương ứng với một phần thửa 803 và đường, tờ bản đồ số 16 (theo tài liệu đo năm 2005) tọa lạc tại địa chỉ D (số C) ấp D, xã T, huyện B. Trong đó, bao gồm: 16,3m<sup>2</sup> nằm trong ranh giải tỏa giai đoạn 1 năm 1998; 28,3m<sup>2</sup> nằm trong ranh giải tỏa giai đoạn 2 năm 2016.

Về phần đất diện tích 28,3m<sup>2</sup>: Như trên đã nêu, không có kháng cáo, kháng nghị về vấn đề này, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Về phần diện tích 16,3m<sup>2</sup>: bao gồm hai phần, phần 12,9m<sup>2</sup> và phần 3,4m<sup>2</sup>.

Đối với phần 12,9m<sup>2</sup> không có kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Phần diện tích còn lại 3,4m<sup>2</sup> theo tài liệu đo năm 2005 là phần đất nằm trong ranh mở rộng đường H (nay là đường N), đã hoàn thành công tác bồi thường theo Quyết định số 642/QĐ-UB-KT ngày 04/02/1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố H cho ông Nguyễn Hữu K (chủ sử dụng đất cũ). Căn cứ Bảng dự toán chi phí bồi hoàn Công trình Hương lộ 4 từ Tỉnh lộ 10 đến cầu C và Báo cáo hiện trạng phần đất bị ảnh hưởng trong Dự án mở rộng Hương lộ 4 do Ban quản lý dự án huyện B lập ngày 20 tháng 6 năm 1997, thể hiện ông Nguyễn Hữu K (là chủ cũ) được đền bù số tiền 267.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ủy ban nhân dân huyện B thừa nhận thiếu sót không cập nhật ranh bồi thường năm 1998 vào trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày chưa có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T là đúng, hay sai. Tuy nhiên, như trên đã phân tích, diện tích đất 3,4m<sup>2</sup> theo tài liệu đo đạc năm 2005, nằm trong ranh mở rộng đường H 4 năm 1998. Đối chiếu với quy định tại khoản 1, Phần I, Chương III Chính sách số 631/CSBT-HĐBT: “*Đối với phần diện tích đất trong Dự án nâng cấp mở rộng đường H, huyện B (nay là đường N) đã hoàn thành công tác bồi thường theo Quyết định số 642/QĐ-UB-KT ngày 04 tháng 02 năm 1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt Dự án nâng cấp mở rộng Hương lộ D, huyện B thì không thực hiện bồi thường về đất theo quy định của*

*Chính sách này*”. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện B không bồi thường giá trị quyền sử dụng đối với phần đất 3,4m<sup>2</sup> là đúng pháp luật. Quyết định số 8309/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Ủy ban dân huyện B về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ do thu hồi đất (kèm Phương án bồi thường, hỗ trợ số 92/PA-HĐBT ngày 30/11/2021 của Ban bồi thường dự án) và Quyết định số 4745/QĐ-UBND ngày 08/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Kim T đối với phần diện tích đất 3,4m<sup>2</sup> này, là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T hủy một phần Quyết định số 8309/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 và Quyết định số 4745/QĐ-UBND ngày 08/7/2022 nêu trên liên quan đến phần đất 3,4m<sup>2</sup>, buộc Ủy ban nhân dân huyện B phải bồi thường giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho bà T, là không có cơ sở.

Đối với phần tài sản trên diện tích đất 3,4m<sup>2</sup>: Theo Phương án bồi thường, hỗ trợ số 92/PA-HĐBT ngày 30/11/2021, thì trên diện tích đất này có các tài sản gồm “Mái che: cột sắt, nền xi măng, mái tôn”; “Phần diện tích vật kiến trúc nằm trong ranh 1998 không bồi thường, hỗ trợ”. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Phan Thanh Kim N - người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Trần Kim T trình bày không có ý kiến gì đối với phần tài sản trên đất (BL 95).

Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm ban hành bản án sơ thẩm, ngày 18/8/2022 và ngày 31/8/2022, Ủy ban nhân dân huyện B đã ban hành Phương án hỗ trợ bổ sung số 1045/PA-HĐBT và Quyết định số 8919/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ bổ sung về đất đối với phần đất 3,4m<sup>2</sup>; Ngày 26/10/2023, và ngày 09/11/2023, Ủy ban nhân dân huyện B đã ban hành Phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung số 2676/PA-HĐBT, và Quyết định về việc phê duyệt phương án hỗ trợ bổ sung số 10880/QĐ-UBND về việc hỗ trợ công trình xây dựng trên diện tích đất 3,4m<sup>2</sup>. Ngoài ra, tại các quyết định trên, Ủy ban nhân dân huyện B còn tính hỗ trợ bổ sung thêm đối với phần diện tích đất 28,3m<sup>2</sup> (phần này không có kháng cáo, kháng nghị). Bà T đã đồng ý bàn giao mặt bằng và không khiếu nại gì đối với các quyết định hành chính bổ sung nêu trên.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ hủy một phần các quyết định hành chính bị kiện (Quyết định số 8309/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 và Quyết định số 4745/QĐ-UBND ngày 08/7/2022) liên quan đến phần đất 3,4m<sup>2</sup>; kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của người bị kiện về nội dung nêu trên là có căn cứ chấp nhận. Do đó, cần sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim T về việc hủy một phần Quyết định số 8309/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Ủy ban dân huyện B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất (kèm Phương án bồi thường, hỗ trợ số 92/PA-HĐBT ngày 30/11/2021 của Ban bồi thường dự án), và một phần Quyết định số 4745/QĐ-UBND ngày 08/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại, liên quan đến phần đất diện tích 3,4m<sup>2</sup>.

[2.2.3]. Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên hủy phần nào của các quyết định bị kiện nêu trên là không chính xác. Ngoài ra, phương án bồi thường, hỗ trợ kèm theo Quyết định số 8309/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Ủy ban dân huyện B là Phương án bồi thường, hỗ trợ số 92/PA-HĐBT ngày 30/11/2021, nhưng tại bản án sơ thẩm nêu Phương án bồi thường, hỗ trợ số 272/PA-HĐBT ngày 30/11/2021, không liên quan đến vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm cần phải rút kinh nghiệm đối với các vấn đề Hội đồng xét xử phúc thẩm đã nêu.

[3]. Ý kiến của người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, không được chấp nhận.

[4]. Ý kiến của người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, được chấp nhận.

[5]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, được chấp nhận.

[6]. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7]. Về án phí hành chính sơ thẩm: Người khởi kiện bà Trần Kim T phải chịu, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

[8]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B được chấp nhận, nên Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 203, Điều 220, khoản 2 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

3. Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 1161/2023/HC-ST ngày 13 tháng 7 năm 2023 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 622/2023/QĐ-TA

ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, về “Khiếu kiện quyết định hành chính”, giữa người khởi kiện bà Trần Kim T và người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

3.1. Căn cứ Điều 74, Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; Điều 7, Điều 18, Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011.

3.2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim T về việc:

- Hủy một phần Quyết định số 8309/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Ủy ban dân huyện B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất (kèm Phương án bồi thường, hỗ trợ số 92/PA-HĐBT ngày 30/11/2021 của Ban bồi thường dự án), và một phần Quyết định số 4745/QĐ-UBND ngày 08/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại, liên quan đến phần đất diện tích 3,4m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 803 và đường, tờ bản đồ số 16 (theo tài liệu đo năm 2005), tọa lạc tại địa chỉ D (số C) ấp D, xã T, huyện B.

4. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí hành chính sơ thẩm:

5.1. Bà Trần Kim T phải chịu án phí 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Phiếu thu số AA/2021/0003778 ngày 21/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (Bà T đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm).

5.2. Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

6. Về án hành chính phúc thẩm:

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Hoàn trả cho Ủy ban nhân dân huyện B số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2022/0002060 ngày 14/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2022/0002059 ngày 14/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP (TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy Hòa**